TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:86/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 19-8-2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Gia và bà Nguyễn Thị Xuân.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Thị Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 161/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2022, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2022/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Thùy T,** sinh năm 1995

Địa chỉ: Tổ 4, Ấp 2, xã PL, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh **Đặng Văn Phương Đ**, sinh năm 1988

Địa chỉ: Tổ 4, Ấp 2, xã PL, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

(Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Đặng Văn Phương Đ kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn số 38/2012, quyển số:01/2009 vào ngày 02-06-2012 tại UBND xã PL, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định. Hai người chung sống hạnh phúc được đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên xảy ra cãi nhau và đánh nhau. Vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Chị nhận thấy tình cảm không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Đặng Văn Phương Đ.

- Về nuôi con chung: Chị và anh Đ có 04 con chung gồm:1/ Đặng Nguyễn Bảo N, sinh ngày 21/12/2012, 2/ Đặng Hoài P, sinh ngày 03/10/2015, 3/ Đặng Kim Bảo A, sinh ngày 15/7/2017, 4/ Đặng Phúc K, sinh ngày 25/12/2020. Khi ly hôn, Chị T thỏa thuận đồng ý giao 04 con chung cho anh Đ được nuôi dưỡng và chị đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ/01 con chung, như vậy 04 con chung là 4.000.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 03/8/2022 và đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt đề ngày 03/8/2022 của bị đơn anh Đặng Văn Phương Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Qua phần trình bày của Chị T như trên thì anh Đ thừa nhận là đúng. Mâu thuẫn vợ chồng là do Chị T ham chơi, nghiện đánh bài và gây nợ và năm nào anh cũng phải trả nợ thay cho Chị T, khi quá nóng giận không kìm chế được cảm xúc nên anh có đánh Chị T. Anh có khuyên nhủ nhiều lần nhưng Chị T vẫn chứng nào tật đó không thay đổi bản thân. Ngày 06/7/2022 Chị T bị Tòa án nhân dân huyện Tân Phú xử phạt tiền về tội đánh bạc. Từ hơn 02 tháng nay Chị T đã bỏ nhà đi, nay Chị T yêu cầu xin ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về nuôi con chung: có 04 con chung gồm:1/ Đặng Nguyễn Bảo N, sinh ngày 21/12/2012, 2/ Đặng Hoài P, sinh ngày 03/10/2015, 3/ Đặng Kim Bảo A, sinh ngày 15/7/2017, 4/ Đặng Phúc K, sinh ngày 25/12/2020. Nếu phải ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi dưỡng 04 con chung và yêu cầu Chị T cấp dưỡng 4.000.000đ/04 con chung/01 tháng (1.000.000đ/01 con chung) cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị T. Về hôn nhân: Cho Chị T được ly hôn với anh Đ. Về con chung: Giao 04 con chung cho anh Đ được trực tiếp nuôi dưỡng, Chị T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 4.000.000đ/04 con chung. Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự trình bày không có nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí về cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Xác định thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Bị đơn anh Đặng Văn Phương Đ có nơi cư trú tại ấp 2, xã PL, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố

tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú. Chị T yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con, vì vậy cần xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Xác định tư cách đương sự: Ngày 07/04/2022, Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện về việc Chị T xin ly hôn với anh Đ. Căn cứ theo khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định chị là nguyên đơn, anh Đ là bị đơn trong vụ án.

[1.3]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Chị T và bị đơn anh Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1, Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa Chị T và anh Đ được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn số 38/2012, quyển số: 01/2009 ngày 02/06/2012 tại Ủy ban nhân dân xã PL, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Tại các biên bản xác minh ngày 28/6/2022 thể hiện do tính tình không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau. Chị T ham chơi cờ bạc và tại bản án hình sự sơ thẩm số 75/2022/HS-ST ngày 06/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú đã xét xử Trang về tội đánh bạc với mức phạt tiền là 25.000.000đ. Đồng thời Chị T đã bỏ nhà đi 02 tháng nay, gia đình không biết chị đi đâu làm gì. Qua đó thể hiện chị sống không có trách nhiệm với chồng con, vợ chồng không còn chung sống với nhau. Anh Đ không đồng ý ly hôn nhưng khi Tòa án tiến hành hòa giải thì anh Đ không đến Tòa án để tham gia hòa giải. Thể hiện thái độ bỏ mặc, không quan tâm, không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ gia đình. Kết quả xác minh thu thập chứng cứ như trên về mâu thuẫn vợ chồng, phù hợp với lời khai của nguyên đơn, bị đơn. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định, Chị T và anh Đ đã không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận nên cho Chị T được ly hôn với anh Đ.

- Về nuôi con chung: Đối với 04 con chung gồm:1/ Đặng Nguyễn Bảo N, sinh ngày 21/12/2012, 2/ Đặng Hoài P, sinh ngày 03/10/2015, 3/ Đặng Kim Bảo A, sinh ngày 15/7/2017, 4/ Đặng Phúc K, sinh ngày 25/12/2020. Từ khi Chị T bỏ nhà đi thì anh Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, anh làm nghề cửa sắt có thu nhập hàng tháng ổn định, đủ điều kiện nuôi con và là người cha sống có trách nhiệm. Các con chung cũng có nguyện vọng mong muốn được ở với anh Đ. Bên cạnh đó Chị T là người mẹ nhưng ham chơi cờ bạc, không lo làm ăn, sống không có trách nhiệm, tự bỏ nhà đi trong khi các con còn nhỏ cần sự quan tâm, chăm sóc, dạy dỗ của người mẹ. Đồng thời khi làm thủ tục ly hôn chị đồng ý giao các con chung cho anh Đ nuôi dưỡng, phù hợp với yêu cầu của anh Đ. Để bảo đảm cuộc sống ổn định cho các con chung nên tiếp tục giao 04 con chung Bảo N, P, Bảo A,

và K cho anh Đ được nuôi dưỡng là có cơ sở. Căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình. Chị T đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đ/01 con chung, như vậy 04 con chung là 4.000.000đ/tháng, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh Đ trình bày tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết. Vì vậy Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn và 300.000đ án phí DSST về cấp dưỡng.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1, Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 11, Điều 18, Điều 85, Điều 89, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Điểm a khoản 5; điểm a, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy T.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thùy T được ly hôn với anh Đặng Văn Phương Đ.

- Về nuôi con chung: Giao cho anh Đặng Văn Phương Đ trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục 04 con chung gồm: 1/ Đặng Nguyễn Bảo N, sinh ngày 21/12/2012, 2/ Đặng Hoài P, sinh ngày 03/10/2015, 3/ Đặng Kim Bảo A, sinh ngày 15/7/2017, 4/ Đặng Phúc K, sinh ngày 25/12/2020. Chị T đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đ(một triệu đồng)/01 con chung, như vậy 04 con chung là 4.000.000đ (bốn triệu đồng)/tháng, cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chưa thi hành thì còn phải chịu khoản lãi tương ứng với khoản tiền và thời gian chưa thi hành án xong theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh Đ trình bày không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết, vì vậy Tòa án không xem xét.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thùy T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng, tổng cộng là 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng). Số tiền 300.000đ Chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002431 ngày 07/04/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí. Chị T phải nộp tiếp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA DS huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã PL, (Số 38/2012, quyển số 01/2009 ngày 02-06-2012) để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Lan